



PHỤ LỤC I
Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo	Đề cương báo cáo/Biểu mẫu báo cáo	Cơ quan chủ trì, tổng hợp gửi UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
01	Báo cáo công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		- UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Hội, Hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh;	- Cơ quan thường trực Ban hành Động hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai.	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 của tháng cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 của tháng cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo quý 1, 6 tháng, 9 tháng, năm. - 04 lần/năm.	Mẫu số 1- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư
02	Báo cáo tình hình triển khai các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo phân cấp		- Chủ đầu tư báo cáo từng dự án cấp huyện. - Chủ đầu tư báo cáo từng dự án cấp tỉnh và nhận Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo tổng hợp các dự án cấp huyện.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận báo cáo từ dự án cấp tỉnh và nhận báo cáo từ Phòng Tài chính Kế hoạch. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ Phòng Tài chính Kế hoạch.	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư

03	Báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh về Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.	- Các thành viên của Ban chỉ đạo; - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố;	Sở Tài nguyên và Môi trường - Thường trực Ban chỉ đạo Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Tài nguyên và Môi trường
04	Báo cáo tình hình triển khai các dự án thoát nước khẩn phục tình trạng ngập úng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		- Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Xây dựng.	Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- 6 tháng, năm. - 02 lần/năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng

05	Báo cáo tình hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.	Hệ thống quản lý văn bản	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
06	Báo cáo tình hình phát triển đô thị.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Xây dựng	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 18 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- 6 tháng, năm. - 02 lần/năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng
07	Báo cáo tình hình phát triển xây dựng.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Xây dựng	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 18 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- 6 tháng, năm. - 2 lần/năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Xây dựng

08	Báo cáo tình hình phát triển nhà ở.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Xây dựng	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 18 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- 6 tháng, năm. - 2 lần/năm	Mẫu số 3-Phụ lục II	Sở Xây dựng
09	Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở.	Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung	UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14/12	Trước ngày 18/12	- năm. - 01 lần/năm	Mẫu số 3-Phụ lục II	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Báo cáo tình hình phát triển hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Công thương	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 18 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- Báo cáo 6 tháng, năm. - 02 lần/năm	Mẫu số 3-Phụ lục II	Sở Công thương

11	Báo cáo tình hình phát triển thương mại.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Công thương	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 4- Phụ lục II	Sở Công thương
12	Báo cáo tình hình phát dịch vụ trên địa bàn tỉnh.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 5- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	Báo cáo tình hình quản lý phát triển khu công nghiệp; công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	- Ban quản lý Các khu công nghiệp. - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 6- Phụ lục II	- Ban quản lý Các khu công nghiệp. - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học

14	Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, địa phương do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 7- Phụ lục II	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	Báo cáo công tác trật tự an toàn xã hội, công tác an toàn giao thông.		- UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh,	- Công an tỉnh; - Ban An toàn Giao thông tỉnh	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Báo cáo hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 8- Phụ lục II	Công an tỉnh



PHỤ LỤC II

Đề cương báo cáo định kỳ

(Kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 1: Đề cương Báo cáo công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số 2: Đề cương Báo cáo tình hình triển khai các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo phân cấp.

Mẫu số 3: Đề cương: Báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Báo cáo tình hình triển khai các dự án thoát nước khắc phục tình trạng ngập úng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo tình hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Báo cáo tình hình phát triển đô thị; Báo cáo tình hình phát triển xây dựng; Báo cáo tình hình phát triển nhà ở; Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở; Báo cáo tình hình phát triển hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Mẫu số 4: Đề cương Báo cáo tình hình phát triển thương mại.

Mẫu số 5: Đề cương Báo cáo tình hình phát dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Mẫu số 6: Đề cương Báo cáo tình hình quản lý phát triển khu công nghiệp; công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai

Mẫu số 7: Đề cương Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, địa phương do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Mẫu số 8: Đề cương Báo cáo công tác trật tự an toàn xã hội, công tác an toàn giao thông.

Mẫu số 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kỳ báo cáo...)

I. Tình hình thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp

1. Về chính sách tín dụng
2. Về hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp
3. Về lĩnh vực công thương
4. Về thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại
5. Về đăng ký doanh nghiệp
6. Về công tác Quản lý thị trường và bình ổn giá cả
7. Về công tác gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp
8. Về lĩnh vực lao động
9. Về lĩnh vực khoa học và công nghệ
10. Về lĩnh vực Thuế và Hải quan
11. Về lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường
12. Về lĩnh vực xây dựng
13. Về công tác cải cách thủ tục hành chính
14. Về công tác thông tin, tuyên truyền
15. Một số công tác khác liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp

II. Đánh giá những kết quả đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân.

III. Nhiệm vụ, giải pháp trong quý(năm) sau.

IV. Kiến nghị (nếu có) .

Mẫu số 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC CÔNG
TRÌNH TRỌNG ĐIỂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kỳ báo cáo...)

1. Thông tin dự án

- Tên dự án
- Địa điểm thực hiện
- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
- Mục tiêu, quy mô
- Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn
- Thời gian hoàn thành của dự án

2. Tình hình thực hiện dự án:

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có)
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có)
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có)

3. Thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

4. Kiến nghị.

Mẫu số 7

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN DO UBND TỈNH,
CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO.**

Kỳ báo cáo (.....)

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ DO UBND
TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO (Theo chương trình công tác của UBND
tỉnh, các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh...)**

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ:

2. Đánh giá (đã hoàn thành/ chưa hoàn thành), nguyên nhân

3. Kiến nghị (nếu có)

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ:

Đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ thuộc ngành, địa phương quản lý theo từng
lĩnh vực.

1. Lĩnh vực a.

- Kết quả đạt được:
- Mặt hạn chế
- Khó khăn:
- Nguyên nhân:
- Biện pháp, giải pháp thực hiện

2. Lĩnh vực b.

- Kết quả đạt được:
- Mặt hạn chế
- Khó khăn:
- Nguyên nhân:
- Biện pháp, giải pháp thực hiện.

.....

3. Các đề xuất, kiến nghị:

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KỲ TIẾP THEO

Các nhiệm vụ trọng tâm công tác

(Các ngành, lĩnh vực, địa phương căn cứ vào tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm
vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đề đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm
cần thực hiện trong thời gian tới (tháng/ quý/6 tháng/9tháng/năm).

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 8
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN
XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kỳ báo cáo.....)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ *(số liệu so sánh với tháng trước và so sánh cùng kỳ đối với mỗi kỳ báo cáo)*

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

- Tình hình tai nạn giao thông

Số vụ, số người tử vong, số người bị thương (so sánh với tháng trước và so sánh cùng kỳ đối với mỗi kỳ báo cáo).

- Tình hình cháy nổ:

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân khó khăn, vướng mắc

3. Đề xuất, kiến nghị

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG, QUÝ, NĂM



PHỤ LỤC III

Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê

Kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	TÊN BIỂU MẪU	NỘI DUNG BÁO CÁO	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN BÁO CÁO	GHI CHÚ
1	Biểu mẫu số 1	Báo cáo các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh	Cục Thống kê tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên Minh hợp tác xã tỉnh, Sở lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Cục thi hành án	
2	Biểu mẫu số 2	Báo cáo kết quả các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch	Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Ban Quản lý Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học	
3	Biểu mẫu số 3	Báo cáo kết quả thực hiện một số chỉ tiêu Ngành xây dựng	Ngành xây dựng	
4	Biểu mẫu số 4	Báo cáo tình hình thực hiện thu chi ngân sách	Sở Tài chính	
5	Biểu mẫu số 5.1	Báo cáo Tình hình quản lý tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6	Biểu mẫu số 5.2	Báo cáo các chỉ tiêu môi trường và phát triển bền vững		

7	Biểu mẫu số 6	Báo cáo tình hình thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Ban Quản lý Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học; Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Biểu mẫu số 7		Ngành kế hoạch và Đầu tư	
8	Biểu mẫu số 7.1	Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp và hộ kinh doanh		
9	Biểu mẫu số 7.2	Báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công		
10	Biểu mẫu số 8	Báo cáo tình hình phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác	Liên Minh hợp tác xã tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
	Biểu mẫu số 9		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
11	Biểu mẫu số 9.1	Báo cáo tình hình phát triển Nông lâm ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh		
12	Biểu mẫu số 9.2	Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh		
13	Biểu mẫu số 10	Báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu	Ngành công thương	
	Biểu mẫu số 11		Ngành Giao thông Vận tải	
14	Biểu mẫu số 11.1	Báo cáo kết quả phân tích tai nạn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh		
15	Biểu mẫu số 11.2	Báo cáo số liệu so sánh tai nạn giao thông các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh		

18	Biểu mẫu số 12	Báo cáo hàng tháng, hàng quý, năm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	
19	Biểu mẫu số 13	Báo cáo hàng tháng, hàng quý, năm của Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngành Giáo dục và Đào tạo	
20	Biểu mẫu số 14	Kết quả thực hiện các Chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	
21	Biểu mẫu số 15	Báo cáo hàng tháng, hàng quý, năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	Biểu mẫu số 16			
22	Biểu mẫu số 16.1	Báo cáo công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng		
23	Biểu mẫu số 16.2	Danh sách các vụ tham nhũng được phát hiện trong kỳ		
24	Biểu mẫu số 16.3	Thống kê số liệu chủ yếu về công tác phòng chống tham nhũng		
25	Biểu mẫu số 16.4	Tổng hợp kết quả thanh tra hành chính	Ngành Thanh tra	
	Biểu mẫu số 16.5	Tổng hợp kết quả thanh tra chuyên ngành		
26	Biểu mẫu số 16.6	Tổng hợp kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo		
27	Biểu mẫu số 16.7	Tổng hợp kết quả giải quyết đơn khiếu nại		
28	Biểu mẫu số 16.8	Tổng hợp kết quả giải quyết đơn tố cáo		
29	Biểu mẫu số 16.9	Tổng hợp kết quả tiếp dân		

	Biểu mẫu số 17			
30	Biểu mẫu số 17.1	Báo cáo công tác ngành Nội vụ (lĩnh vực xây dựng chính quyền)	Ngành nội vụ	
31	Biểu mẫu số 17.2	Báo cáo công tác ngành Nội vụ (lĩnh vực Công chức, viên chức)		
32	Biểu mẫu số 17.3	Báo cáo công tác ngành Nội vụ (lĩnh vực Tổ chức bộ máy)		
	Biểu mẫu số 18		Ngành Y tế	
33	Biểu mẫu số 18.1	Báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu ngành y tế		
34	Biểu mẫu số 18.2	Báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu ngành y tế		
35	Biểu mẫu số 19	Báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu ngành Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh	

Biểu mẫu số 1

CÁC CHỦ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kỳ báo.....)

[illegible]

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo		Năm báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)			
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%										Năm	Cục Thống kê
-	Công nghiệp và xây dựng	%											
-	Dịch vụ	%											
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng											
b)	Theo thành phần kinh tế												
-	Quốc doanh Trung ương	%										Năm	Cục Thống kê
-	Quốc doanh địa phương	%											
-	Kinh tế ngoài quốc doanh	%											
-	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	%											
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng											
-	Quy đổi ra USD	USD										Quý 1, quý 2, 6 tháng, quý 3, quý IV và năm	Cục thống kê tỉnh
5	Tổng Giá trị sản xuất nông nghiệp (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng											
-	Nông nghiệp:	Tỷ đồng											
-	Trồng trọt	Tỷ đồng											
-	Chăn nuôi	Tỷ đồng											
-	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng										Quý 1, quý 2, 6 tháng, quý 3, quý IV và năm	Cục thống kê tỉnh
-	Thủy sản:	Tỷ đồng											
6	Tổng giá trị sản xuất công nghiệp (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng										Quý 1, quý 2, 6 tháng, quý 3, quý IV và năm	Cục thống kê tỉnh

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm báo cáo								Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo	
			Năm trước báo cáo										
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục thống kê tỉnh
	- Công nghiệp khai khoáng	%											
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%											
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	%											
-	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%											
8	Tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng										Quý 1, quý 2, 6 tháng, quý 3, quý IV và năm	Cục thống kê tỉnh
9	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn	%											
-	So với tháng 12 năm trước báo cáo	%										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục thống kê tỉnh
-	So với cùng kỳ năm trước năm báo cáo	%											
-	CPI bình quân so với bình quân cùng kỳ năm trước năm báo cáo	%											
10	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục thống kê tỉnh

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo		Năm báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)			
11	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục thống kê tỉnh
	Trong đó: Xuất khẩu địa phương (quản lý)	Triệu USD											
12	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục thống kê tỉnh
13	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng											
	Trong đó:												
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng											
-	Thu nội địa	Tỷ đồng											
	Trong đó:												
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Tài chính
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng											
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng											
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng											
14	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng											
-	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng											
-	Chi thường xuyên	Tỷ đồng											

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo		Năm báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)			
15	Vốn đầu tư công của tỉnh thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Tỷ đồng										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	Thu hút đầu tư nước ngoài	Triệu USD										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	Thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
19	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp										Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)	
20	Số hợp tác xã đăng ký thành lập mới	Hợp tác xã								Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Liên Minh hợp tác xã
21	Số hộ đăng ký kinh doanh	Hộ								Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
II CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI											
22	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%								Năm	Sở Y tế
23	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%								Năm	Sở Lao động, Thương binh và xã hội
24	Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%								Năm	Cục thống kê tỉnh
25	Giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị	%								Năm	
26	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%								Năm	
27	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%								Năm	Sở Y tế
28	Số Bác sỹ/ vạn dân	Bác sỹ								Năm	
29	Số giường bệnh/vạn dân	Giường								Năm	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo		Năm báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)			
30	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%									Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
31	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%									Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
32	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%									Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm		
33	Tỷ lệ dân cư nội thành, nội thị sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn QCO2	%									6 tháng, năm	Sở xây dựng	
34	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn QCO2	%									6 tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
35	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung	%									Năm	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	
36	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại cộng đồng và cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện, trong đó:	%									Năm		

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo			Năm báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)				
	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	%										Năm	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	
	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy	%										Năm		
37	Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa	%										Năm	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	
38	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%										Năm		
39	Tỷ lệ cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%										Năm		
40	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%										Năm		
41	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%										Năm	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	
42	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	%										Năm		
III MÔI TRƯỜNG														
43	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%										Năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	
44	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%										Năm		
45	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%										Năm		
46	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó:	%										Năm		
	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%										Năm		
	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	%										Năm		
47	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%										Năm		
48	Tỷ lệ KCN có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động	%										Năm		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm trước báo cáo		Năm báo cáo							Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số công dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh công dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)			
49	Tỷ lệ che phủ cây xanh	%										Năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
50	Tỷ lệ che phủ rừng	%										Năm	

IV QUỐC PHÒNG- AN NINH

51	Số vụ tội phạm hình sự (trừ tội phạm ma túy)	Số vụ											Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh
52	Phát hiện và xử lý tội phạm ma túy	Số vụ											Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh
53	Số vụ, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông												Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh
	- Số vụ	Số vụ											Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh
	- Số người chết	Số vụ											Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh
	- Số người bị thương	Số vụ											Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh
54	Xử lý tin báo, tố giác tội phạm	Tin											Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm báo cáo									Thời gian báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo
			Năm trước báo cáo										
			Số thực hiện kỳ báo cáo	Số cộng dồn kỳ báo cáo	Kế hoạch	Thực hiện kỳ báo cáo	Cộng dồn đến kỳ báo cáo	So sánh kỳ báo với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh cộng dồn với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch (%)			
55	Điều tra, khám phá các loại án	Số vụ									Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Công an tỉnh	
56	Điều tra các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	Số vụ									Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm		
57	Chỉ tiêu thi hành án dân sự xong/tổng số án có điều kiện thi hành trong đó:	%											
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc	%											
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền	%											
	Giảm số việc, số tiền chuyển kỳ sau/số có điều kiện thi hành, trong đó:	%										6 tháng, năm	Cục thi hành án tỉnh
	- Về việc	%											
	- Về tiền	%											

Biểu mẫu số 2

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

(Kỳ báo cáo...)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm ...	Kết quả thực hiện tháng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	So với kế hoạch năm ... (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
A	B	C	1	2	3	4
1	Số dự án đầu tư mới	Dự án				
2	Doanh thu	Tỷ đồng				
3	Giá trị xuất khẩu	Triệu USD				
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng				
5	Tạo việc làm mới	Người				

- Chỉ tiêu kế hoạch năm: Ghi số liệu chỉ tiêu đã xây dựng kế hoạch
- Kết quả thực hiện tháng, quý, 6 tháng,...: Ghi số liệu kết quả thực hiện được trong tháng, quý,...
- So với kế hoạch năm: Lấy kết quả thực hiện được trong tháng, quý, 6 tháng,... so sánh với kế hoạch đã xây dựng
- So sánh với cùng kỳ năm trước: Lấy kết quả thực hiện được trong tháng, quý, 6 tháng,... so sánh với các tháng, quý ... của năm trước.

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ và tên)

....., ngày tháng... năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGÀNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kỳ báo cáo.....)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Năm báo cáo			
				Kế hoạch	Thực hiện	So sánh số liệu thực hiện với số cùng kỳ (%)	So sánh số liệu thực hiện với Kế hoạch năm (%)
1	Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn	Công trình			6 tháng, năm		
2	Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD			6 tháng, năm		
-	Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD					
-	Cấp cho các công trình/dự án	GPXD					
3	Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng	Công trình			6 tháng, năm		
4	Tổng số sự cố về công trình xây dựng	Sự cố			Năm		
5	Tổng số công trình được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng.	Công trình			Năm		
6	Tổ số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình	Vụ			Năm		
7	Tổng số dự án đầu tư phát triển đô thị đang thực hiện trên địa bàn	Dự án			Năm		
8	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%			6 tháng, năm		
9	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	%			6 tháng, năm		

10	Số lượng nhà ở công vụ hiện có và sử dụng	Căn hộ/nhà ở				Năm			
-	Diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng	m ²							
11	Tổng số trụ sở cơ quan hành chính nhà nước	Trụ sở				Năm			
-	Tổng diện tích sàn xây dựng	m ² sàn							
-	Số lượng trụ sở xây dựng mới, sửa chữa cải tạo	Trụ sở							
-	Diện tích đầu tư xây dựng mới; cải tạo, sửa chữa	m ² sàn							
12	Số căn nhà ở xã hội cho thuê/ bán	Số căn/nhà ở				6 tháng, năm			
13	Một số sản phẩm VLXD chủ yếu					6 tháng, năm			
-	Sản lượng xi măng	1.000 tấn							
-	Sản lượng gạch xây nung	1.000 viên							
-	Sản lượng gạch xây không nung	1.000 viên							

[illegible]

Biểu mẫu số 5.1
BÁO CÁO SỔ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kỳ báo cáo (.....)

STT	Số tờ trình	Ngày, tháng, năm	Tên đơn vị, tổ chức	Vị trí, khu vực	Diện tích (ha)	Nội dung khác (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Lĩnh vực đất đai (Thu hồi đất, Điều chỉnh thời hạn, diện tích thuê đất, gia hạn thuê đất; Chuyển từ giao sang thuê; thuê hàng năm sang thuê 1 lần; Chuyển mục đích SDD; Chấm dứt QĐ thu hồi đất; Thẩm định nhu cầu SDD; Ký hợp đồng thuê đất; Cấp GCNQSD đất; QĐ hủy GCN và hủy trang sổ sung GCN...)						
	1						
B	Lĩnh vực khoáng sản (Cấp giấy, Chuyển nhượng, Thu hồi, cho phép trả lại phép thăm dò; Cấp giấy, Chuyển nhượng, Thu hồi, cho phép trả lại phép khai thác khoáng sản; Đóng cửa mỏ khoáng sản; Phê duyệt; xác nhận trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác)						
	1						
C	Lĩnh vực tài nguyên nước (Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất; Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất, nước mặt; Điều chỉnh, chuyển nhượng Giấy phép khai thác nước dưới đất, nước mặt)						
	1						
D	Lĩnh vực Môi trường (phê duyệt đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường....)						
	1						
E							
	1						
	1						

Ghi chú:

(7): Nội dung khác nếu có: Ví dụ đối với phê duyệt trữ lượng thì có thêm tổng trữ lượng được phê duyệt hoặc lĩnh vực nước thì có thêm lưu lượng nước/ngày, đêm;phép/quyết định thì ghi số kí hiệu, ngày tháng năm giấy phép/quyết định; hoặc thông tin cần bổ sung làm rõ khác...

(8) Ghi chú: trường hợp đã được tỉnh cấp Giấy phép/quyết định thì ghi số kí hiệu, ngày tháng năm giấy phép/quyết định; hoặc thông tin cần bổ sung làm rõ khác...

Biểu mẫu số 5.2
BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Kỳ báo cáo ...)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Năm báo cáo		
				Kế hoạch	Thực hiện (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	So sánh số liệu ước thực hiện (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) với Kế hoạch năm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (*)	%				
2	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%				
3	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%				
4	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%				
5	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó:	%				
	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%				
	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	%				
6	Số khu công nghiệp đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	Số khu				
7	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%				

8	Số khu công nghiệpcó nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động	Số khu					
9	Tỷ lệ KCN có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động	%					